TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST.
Ngày: 08/01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cửu Long;

Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn K – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số: 595/2024/TLST-HS ngày 13/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 711/2024/QĐXXST-HS ngày 13/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10062/2024/QĐST-HS ngày 25/12/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy L**, sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: Số D Đường số A, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; cha tên Nguyễn Duy T (sinh năm 1955), mẹ tên Lý Tuyết N (chết); vợ tên Trịnh Thị Huỳnh T1 (sinh năm 1986); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, (có mặt).

- *Người bị hại*: Bà **Dương Thị L1** (tên gọi khác là H), sinh năm 1983. Địa chỉ: D Đường số A, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bào chữa*: Ông **Ngô Trọng H1**, sinh năm 1979. Là Luật sư công tác tại Công ty L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy L sinh sống tại nhà số D Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thường xảy ra xích mích với chị Dương Thị L1 là hàng xóm sống ở nhà đối diện. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/12/2023, anh rể của L là anh Nguyễn Thanh T2 qua nhà để chăm sóc ba vợ, đồng thời đốt giấy tiền vàng bạc trước cửa nhà thì chị L1 quét chổi hất bụi qua nhà của L nên cả hai cãi nhau. Lúc này chị L1 thách thức "tao đập chết bà mẹ mày" thì L trong nhà nghe thấy nên đi ra ngoài cửa nói lại "đâu ra làm thử coi". Chị L1 bỏ vào trong nhà cầm ra 01 cây chổi cán màu đỏ rồi đi ra trước nhà, còn L vào trong nhà lấy 01 cây gỗ tre dài khoảng 70cm, còn anh T2 cầm 01 cây chổi quét nhà cán màu xanh. Sau đó L đi ra trước nhà chị L1 chửi, thách thức đánh nhau. Chị L1 mở cửa nhà đi ra cầm cây chổi cán màu đỏ lao vào xô đẩy L. L cầm cây gỗ tre đánh theo hướng từ trên xuống, trúng vào đầu chị L1 khoảng 04 đến 05 cái, 01 cái trúng vào tay trái của chị L1. Anh T2 và hàng xóm vào can ngăn hai bên, một lúc sau chị L1 được đưa đi cấp cứu, còn L bỏ đi. Công an phường B đã đến hiện trường lập biên bản vụ việc.

Kết luận giám định số 15/KLTTCT-TTPY.2024 ngày 18/01/2024 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận thương tích của chị L1:

"- Đa chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện: Không còn sưng nề 1/3 dưới cánh tay trái, vết thương do vật tày gây ra; 01 sẹo vùng trán trái trong tóc, kích thước 2,3x0,1cm có tỉ lệ 01%; 01 sẹo vùng trán phải trong tóc kích thước 3,7x0,1cm, có tỉ lệ 01%; 01 sẹo vùng đỉnh trái kích thước 03x0,1cm có tỉ lệ 01%. Ba thương tích do vật tày, vật tày có cạnh sắt, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

- Chấn thương cẳng tay trái gây sưng mô mềm, gãy 1/3 xương giữa trụ có tỉ lệ 10%, thương tích do vật tày tác động gây ra.

Tổng tỉ lệ là 13%; cây gỗ tre mà Cơ quan Cảnh sát điều tra cung cấp có thể gây ra được tất cả các thương tích trên".

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Nguyễn Duy L thừa nhận toàn bộ hành vi như trên.

Vật chứng vụ án: 01 cây gỗ tre dài khoảng 70cm, đường kính đầu lớn 2,8cm; đường kính đầu nhỏ 2,5cm; 01 cây chổi cán nhựa màu đỏ dài 90cm; 01 cây chổi cán nhựa màu xanh dài 92cm; 01 USB chứa đoạn camera ghi lại hình ảnh vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Thị L1 yêu cầu Nguyễn Duy L bồi thường số tiền 168.176.931 đồng (tiền chi phí khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ là 27.056.931 đồng, còn lại là các chi phí thuê người chăm sóc, tiền ăn uống, tiền mất thu nhập, tiền dự định phẫu thuật tay trái không có hóa đơn, chứng từ). Chị Trịnh Thị Huỳnh T1 (vợ của Nguyễn Duy L) đã nộp tiền khắc phục hậu quả 30.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Duy L.

Tại Cáo trạng số: 547/CT-VKSTPTĐ ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố Nguyễn Duy L về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), sau đây viết tắt là BLHS.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Người bị hại – chị Dương Thị L1 trình bày: Đối với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với L thì tôi không có ý kiến, nhưng hành vi của bị cáo L là đánh tôi nhiều lần nên đề nghị Hội đồng xét xử xem đó là hành vi côn đồ và có mức hình phạt nghiêm khắc. Đối với việc yêu cầu bồi thường thiệt hại, trước đây trong quá trình điều tra tôi có ghi số tiền yêu cầu là 168.176.931 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi ý kiến, tôi không yêu cầu bồi thường thiệt hại; trường hợp bị cáo hoặc gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thì tôi không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải quyết theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội "Cố ý gây thương tích". Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định. Về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại không yêu cầu nhưng bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả thêm cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng (tổng cộng là 50.000.000 đồng), xét thấy việc bồi thường trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và bị hại cũng không có ý kiến tè chối nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Về phần tội danh, Luật sư thống nhất với kết luận điều tra của Cơ quan điều tra, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát cũng như thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ theo như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, bên cạnh đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nguyên nhân sâu xa dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội là xuất phát từ sự mâu thuẫn lâu dài của hai bên, trong thời gian dài bị hại có hành vi gây hấn, không đúng mực với gia đình bị cáo và bị cáo; hành vi của bị cáo không phải xuất phát từ sự mâu thuẫn nhất thời mà từ sự kiềm nén lâu dài, điều đó thể hiện hành vi của bị cáo cũng xuất phát từ một phần lỗi của người bị hại; trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng như gia đình bị cáo cũng thành thật xin lỗi bị hại và gia đình bị hại. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 BLHS để xem xét mức hình phạt dưới khung hình phạt của điều khoản bị truy tố; đồng thời xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 65 BLHS, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định.

- Bị cáo L không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất với lời bào chữa của Luật sư.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo L nhận thức được hành vi sai trái của mình, gửi lời xin lỗi đến bị hại, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, của người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/12/2023, tại bãi đất trống cạnh nhà số D Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, do mâu thuẫn với nhau từ trước, bị cáo Nguyễn Duy L đã có hành vi dùng gậy tre đánh nhiều lần vào đầu và tay trái của chị L1 gây thương tích với tổng tỉ lệ là 13%.

Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo đã có hành vi dùng cây gỗ tre (dài 70cm, đường kính đầu lớn 2,8cm, đường kính đầu nhỏ 2,5cm) tác động trực tiếp vào người bị hại, gây thương tích với tổng tỷ lệ là 13%. Xét cây gỗ tre mà bị cáo dùng gây án là hung khí nguy hiểm nên hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố bị cáo về tội danh theo điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn trong một thời gian dài, tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị hại cũng có hành vi chửi bới, cự cãi và có hành vi tác động vật lý với bị cáo dẫn đến hai bên xô đẩy và sự việc xảy ra. Việc bị cáo trong phút nóng giận, không kiềm chế được bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội cũng một phần xuất phát từ lỗi của bị hại như nêu trên.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và cũng là phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo L có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 02 con nhỏ (sinh năm 2023), bị cáo là lao động chính trong gia đình; do đó đây được xem là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tổng cộng là 168.176.931 đồng (trong đó chi phí khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ là 27.056.931 đồng; số tiền 141.120.000 đồng còn lại bị hại trình bày là chi phí thuê người chăm sóc, tiền ăn uống, tiền mất thu nhập, tiền dự định phẫu thuật tay trái nhưng bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đối với số tiền này. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị hại rút yêu cầu bồi thường, không yêu cầu bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường, cũng không có ý kiến từ chối hay không chấp nhận đối với số tiền mà bị cáo và gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả.

Xét thấy, quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng; đồng thời tại phiên tòa, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng (tổng cộng là 50.000.000 đồng). Mặc dù bị hại không yêu cầu bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường nhưng Hội đồng xét xử xét thấy số tiền mà gia đình bị cáo tự nguyện hỗ trợ, bồi thường (tổng số tiền 50.000.000 đồng) cho bị hại nêu trên là phù hợp, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 cây gỗ tre dài khoảng 70cm, đường kính đầu lớn 2,8cm, đường kính đầu nhỏ 2,5cm; 01 cây chổi cán nhựa màu đỏ dài 90cm; 01 cây chổi cán nhựa màu xanh dài 92cm. Xét đây là các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với: 01 USB chứa đoạn camera ghi lại hình ảnh vụ án, cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm:

Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng, xét đây là số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường nên không phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về các vấn đề khác:

- Xét lời bào chữa của Luật sư về việc đề nghị xem xét áp dụng Điều 54 BLHS khi lượng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản 1 Điều 54 BLHS quy định "*Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của bộ luật này*". Trên cơ sở phân tích tại Mục [3], trong vụ án này bị cáo L ngoài việc được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS thì bị cáo còn có nhiều

tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do đó đề nghị nêu trên của Luật sư bào chữa là có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, như Hội đồng xét xử đã nhận định tại Mục [2], hành vi phạm tội của bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và cũng là phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội, do đó lời đề nghị của Luật sư bào chữa về việc áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Đối với việc bị hại - chị Dương Thị L1 có hành vi chửi bới, khiêu khích đánh nhau và có dùng chổi đánh vào người bị cáo L, tuy nhiên không ghi nhận thương tích trên người L và L có đơn từ chối giám định và yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Thanh T2, T2 không bàn bạc với bị cáo L đánh chị L1, không gây thương tích cho chị L1, đồng thời khi L và chị L1 đánh nhau thì T2 can ngăn, thời gian xảy ra vụ việc ngắn (khoảng 10 giây) nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở xem xét xử lý hình sự đối với T2.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy L** phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017),

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 cây gỗ tre dài 70cm, đường kính đầu lớn 2,8cm, đường kính đầu nhỏ 2,5cm; 01 cây chổi cán nhựa màu đỏ dài 90cm bị gãy 02 đoạn; 01 cây chổi có cán nhựa màu xanh dài 92cm.

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 056C ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 USB chứa đoạn camera ghi lại hình ảnh vụ án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 357; Điều 586, 590 Bộ luật Dân sự 2015,

Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải bồi thường cho bị hại - bà Dương Thị L1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo Biên lai số 0015768 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức nên còn phải bồi thường số tiền còn lại là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND , Công an thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự; Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời